

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/DS – ST**
Ngày: 30-5-2018
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Đề

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B. Địa chỉ: số 35, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Bà Rịa. Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số 1A, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng D. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch thuộc Ngân hàng TMCP B. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1954; Hộ khẩu thường trú và địa chỉ: đường A, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1976 và ông Võ Minh T, sinh năm: 1974. Hộ khẩu thường trú và địa chỉ: đường A, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bà V có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng D trình bày:

Ngân hàng TMCP B có ký với bà Hoàng Thị L 02 Hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1121813/HĐTD ngày 08/03/2016: Số tiền vay: 2.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 11 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Các tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa số 50, 51, 226 tờ bản đồ số 09 tại ấp Phước Tấn, xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị V (theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/1121813/HĐBĐ ngày 08/3/2016).

- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/1121813/HĐTD ngày 16/11/2016: Số tiền vay: 320.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 03 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Các tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 236 tờ bản đồ số 09, tại ấp Phước Tấn, xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Võ Minh T và bà Nguyễn Thị V (theo Hợp đồng thế chấp số 02/2016/1121813/HĐBĐ ngày 16/11/2016).

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng B đã giải ngân cho bà L vay số tiền theo các Hợp đồng tín dụng trên. Bà L chưa trả khoản nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị L phải thanh toán số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 3.771.985.000 đồng (trong đó nợ gốc là 3.120.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.880.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 585.105.000 đồng). Trường hợp bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị V để thu hồi nợ.

Ngân hàng B yêu cầu bà L thanh toán toàn bộ số nợ như trên và tiếp tục trả lãi được tính theo mức lãi suất phát sinh kể từ sau ngày tuyên án theo thỏa thuận tại 02 hợp đồng tín dụng đã ký.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng B số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo 02 Hợp đồng tín dụng như Ngân hàng B trình bày là đúng. Bà đồng ý trả nợ theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp bà không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, bà đồng ý để Ngân hàng B yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo của ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị V để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và chồng bà là ông Võ Minh T có ký Hợp đồng thế chấp số 01/2016/1121813/HĐBĐ ngày 08/3/2016 và 02/2016/1121813/HĐBĐ ngày 16/11/2016 dùng các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm

bảo cho các khoản vay của bà Hoàng Thị L đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1121813/HĐTD ngày 08/03/2016 và Hợp đồng tín dụng số 02/2016/1121813/HĐTD ngày 16/11/2016.

Bà xác nhận số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bà L còn nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng như Ngân hàng B trình bày là đúng. Trường hợp bà L không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, bà V đồng ý để Ngân hàng B yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo vợ chồng bà theo các Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T đã được Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông T không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình và không có mặt theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu của nguyên đơn, trình bày quan điểm: đồng ý phương án giảm lãi cho bà L tại giai đoạn thi hành án vì bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hơn 1 năm, không thể giảm lãi tại phiên tòa được.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng nhưng xin giảm lãi và xin gia hạn thời gian trả nợ.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP B khởi kiện bà Hoàng Thị L về hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có mục đích lợi nhuận nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Võ Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1121813/HĐTD ngày 08/03/2016: số tiền vay là 2.800.000.000 đồng; thời hạn vay: 11 tháng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh và Hợp đồng tín dụng số 02/2016/1121813/HĐTD ngày 16/11/2016: số tiền vay là 320.000.000 đồng; thời hạn vay: 03 tháng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên.

Theo 02 Ủy nhiệm chi ngày 10/3/2016 thể hiện bà L đã nhận đủ số tiền 2.800.000.000 đồng và theo Giấy rút tiền mặt ngày 22/11/2016 thể hiện bà L đã nhận đủ số tiền 320.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng B yêu cầu bà L phải trả số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng là 3.771.985.000 đồng (trong đó nợ gốc là 3.120.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.880.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 585.105.000 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét các hợp đồng thế chấp và tài sản gắn liền với đất để bảo lãnh cho người thứ ba vay vốn ngân hàng:

Tại Điều 10 các hợp đồng thế chấp quy định trường hợp xử lý tài sản thế chấp gồm: “đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo HĐTD mà bên bảo đảm không thực hiện” ... Hơn nữa, các hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba gồm bên thế chấp là bà Nguyễn Thị V, ông Võ Minh T; bên được bảo đảm là bà Hoàng Thị L; các đương sự đều ký xác nhận hoàn toàn tự nguyện, ông T và bà V đồng ý sử dụng các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình để đảm bảo các khoản vay của bà L. Các hợp đồng thế chấp trên đều đã thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/1121813/HĐBĐ ngày 08/3/2016 được công chứng tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, số công chứng 618 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Thành ngày 09/3/2016;

- Hợp đồng thế chấp số 02/2016/1121813/HĐBĐ ngày 16/11/2016 được công chứng tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, số công chứng 3289 quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Thành ngày 17/11/2016.

Vì vậy, việc bà L không trả nợ đúng hạn theo các hợp đồng tín dụng đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị V để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả lãi phát sinh: xét trong 02 Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất tại hợp đồng có thỏa thuận “Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh”; do đó cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL buộc bà L tiếp tục trả lãi như sau: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và mức lãi cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP B đồng ý nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với bà Hoàng Thị L về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1. Buộc bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 30/5/2018 là 3.771.985.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 3.120.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.880.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 585.105.000 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.”

2. Nếu bà Hoàng Thị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 50, 51, 226, 236 tờ bản đồ số 09, ấp Phước Tấn, xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/1121813/HĐBĐ ngày 08/3/2016 và Hợp đồng thế chấp số 02/2016/1121813/HĐBĐ ngày 16/11/2016.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP B đồng ý nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và đã nộp xong.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị L không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 51.706.800đ (Năm mươi một triệu bảy trăm linh sáu nghìn tám trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2017/0000060 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung